TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11/6/2021
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Bà **TRẦN THỊ ÚT**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TRẦN THỊ KIỀU H, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh TRẦN PHƯỚC T, sinh năm 1978. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 15/3/2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Kiều H trình bày:

Chị và anh Trần Phước T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhậu nhẹt về đánh đập chị, anh chị chính thức ly thân ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Hồng H sinh ngày 18/5/2005, Trần Thị Hồng Đ sinh ngày 29/6/2007 và Trần Thị Xuân M sinh

ngày 08/6/2008 hiện nay các cháu đang sống với anh T.

Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay chị Trần Thị Kiều H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phước T, giao 03 con chung cho anh T nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Theo tờ tự khai ghi ngày 28/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Phước T trình bày:

Anh và chị H sống với nhau từ năm 2004, tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, chị H bỏ nhà đi, anh chị chính thức ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Hồng H sinh ngày 18/5/2005, Trần Thị Hồng Đ sinh ngày 29/6/2007 và Trần Thị Xuân M sinh ngày 08/6/2008 hiện nay các cháu đang sống với anh T.

Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay anh Trần Phước T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, anh yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án***: Xét thấy, bị đơn anh Trần Phước T cư trú: xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị H và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Trần Phước T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Trần Thị Kiều H và anh Trần Phước T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H trình bày nguyên nhân do anh T nhậu nhẹt về đánh

đập chị, anh, chị chính thức ly thân ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 28/5/2021 anh trình bày, anh và chị H sống với nhau từ năm 2004, tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, chị H bỏ nhà đi, anh chị chính thức ly thân từ năm 2020, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh, chị thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, chị H và anh T sống chung từ năm 2004 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện cũng như Nhà nước có quy định thời gian đăng ký kết hôn trễ hạn, nhưng anh, chị vẫn không thực hiện, nên căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì chị H và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] ***Về con chung***: Chị H và anh T thống nhất có 03 con chung gồm Trần Thị Hồng H sinh ngày 18/5/2005, Trần Thị Hồng Đ sinh ngày 29/6/2007 và Trần Thị Xuân M sinh ngày 08/6/2008 hiện nay các cháu đang sống với anh T, chị H thống nhất giao các con chung cho anh Thuận tiếp tục nuôi dưỡng, anh Thuận cũng đồng ý. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác các cháu cũng có văn bản ý kiến mong muốn sống với anh T sau khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] ***Về cấp dưỡng***: Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] ***Về tài sản chung, nợ chung***: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] ***Về án phí***: Chị Trần Thị Kiều H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Kiều H và anh Trần Phước T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Trần Thị Hồng H sinh ngày 18/5/2005, Trần Thị Hồng Đsinh ngày 29/6/2007 và Trần Thị Xuân M sinh ngày 08/6/2008 cho anh Trần Phước T nuôi dưỡng.

Chị H được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Kiều H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kiều H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000028 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ngọc